

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẢM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 4
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	5 – 6
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 37

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200168673 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 07 tháng 03 năm 2018.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Ngô Hùng, Xã An Hồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông: Lê Văn Hải	Chủ tịch
Ông: Đàm Quang Trung	Ủy viên
Ông: Nguyễn Thế Trung	Ủy viên

**Các thành viên của Ban lãnh đạo đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông: Đàm Quang Trung	Tổng Giám đốc
Ông: Phan Đình Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Quách Đình Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Ngọc Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Đức Triều	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Tùng	Kế toán trưởng

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà: Phan Thị Hiên	Trưởng ban
Ông: Phùng Vũ Lợi	Ủy viên
Bà: Phạm Thị Minh Thuận	Ủy viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán

cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**


Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẨM**

Địa chỉ: Thôn Ngô Hùng, Xã An Hồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

---

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. 

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2022

**TM. Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc**

**Thay mặt Hội đồng quản trị  
Chủ tịch**



**Lê Văn Hải**



**Đàm Quang Trung**



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số: 172 /BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm

**Kính gửi:**

**Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị  
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm được lập ngày 10/03/2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính..

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến của kiểm toán viên.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm** tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022*

**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Trần Thị Hạnh**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán*

*Số: 0726-2018-133-1*

**Nguyễn Hà Phương**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán*

*số 4033-2018-133-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

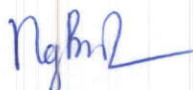
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>909.395.082.160</b>	<b>623.486.820.256</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>218.299.677.395</b>	<b>231.912.683.931</b>
111	1. Tiền		62.999.677.395	43.112.683.931
112	2. Các khoản tương đương tiền		155.300.000.000	188.800.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>82.000.000.000</b>	<b>129.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	82.000.000.000	129.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>64.397.654.664</b>	<b>74.626.361.300</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	60.243.630.716	70.320.778.396
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	930.110.882	1.529.690.793
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.162.412.948	4.629.346.339
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(938.499.882)	(1.853.454.228)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>529.424.313.887</b>	<b>179.230.281.278</b>
141	1. Hàng tồn kho		529.424.313.887	179.575.994.058
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(345.712.780)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>15.273.436.214</b>	<b>8.717.493.747</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		8.034.938.206	3.502.659.219
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	7.238.498.008	5.214.834.528
<b>200</b>	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>504.352.537.084</b>	<b>498.960.371.539</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>229.760.418.664</b>	<b>241.217.550.861</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	166.833.230.340	178.399.407.455
222	- Nguyên giá		593.739.266.373	581.821.145.500
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(426.906.036.033)	(403.421.738.045)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	62.927.188.324	62.818.143.406
228	- Nguyên giá		63.965.628.290	63.720.628.290
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.038.439.966)	(902.484.884)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>95.535.212.490</b>	<b>95.535.212.490</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		95.535.212.490	95.535.212.490
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>176.616.856.839</b>	<b>159.661.470.007</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		246.733.655.910	246.733.655.910
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(70.116.799.071)	(87.072.185.903)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.440.049.091</b>	<b>2.546.138.181</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.440.049.091	2.546.138.181
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.413.747.619.244</b>	<b>1.122.447.191.795</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>559.984.869.027</b>	<b>283.951.546.547</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>559.984.869.027</b>	<b>283.951.546.547</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	26.842.671.187	13.701.505.350
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	393.755.131.392	106.594.323.981
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	-	-
314	4. Phải trả người lao động		43.419.020.622	42.174.930.534
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	14.612.050.940	2.239.088.311
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	50.492.739.595	88.874.967.331
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	22.942.516.650	21.293.264.735
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.920.738.641	9.073.466.305
<b>400</b>	<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>853.762.750.217</b>	<b>838.495.645.248</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>853.762.750.217</b>	<b>838.495.645.248</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		619.689.260.000	619.689.260.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		619.689.260.000	619.689.260.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		113.777.263.002	107.172.475.915
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		26.556.158.759	33.160.945.846
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		93.740.068.456	78.472.963.487
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		64.376.852.840	64.376.852.840
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		29.363.215.616	14.096.110.647
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.413.747.619.244</b>	<b>1.122.447.191.795</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bình

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tùng

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



  
Đàm Quang Trung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Năm 2021

Đơn vị tính: VND  
Năm trước

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	438.667.930.072	431.349.392.556
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		438.667.930.072	431.349.392.556
11	4. Giá vốn hàng bán	23	375.211.759.207	361.294.915.487
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		63.456.170.865	70.054.477.069
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	15.269.208.335	13.898.288.234
22	7. Chi phí tài chính	25	(16.515.178.127)	7.932.669.699
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	56.864.110.103	58.127.746.335
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		38.376.447.224	17.892.349.269
31	11. Thu nhập khác	26	1.135.332.077	942.863.772
32	12. Chi phí khác	27	1.098.402.657	970.184.950
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		36.929.420	(27.321.178)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		38.413.376.644	17.865.028.091
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	9.050.161.028	3.768.917.444
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		29.363.215.616	14.096.110.647
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	474	285
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bình

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tùng

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đàm Quang Trung

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Phương pháp gián tiếp  
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>38.413.376.644</b>	<b>17.865.028.091</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>(2.563.317.365)</b>	<b>13.660.935.233</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định	24.270.253.070	27.382.672.742
03	- Các khoản dự phòng	(16.566.802.043)	(846.299.513)
04	- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	337.309.907	92.610.879
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(10.615.188.337)	(12.968.048.875)
06	- Chi phí lãi vay	11.110.038	-
08	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>35.850.059.279</b>	<b>31.525.963.324</b>
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	5.151.076.020	31.905.558.657
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(349.848.319.829)	90.277.221.567
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	275.536.798.229	(62.243.488.746)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	106.089.090	(2.546.138.181)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(11.110.038)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10.753.807.778)	(8.000.000.000)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(4.713.838.311)	(4.714.113.802)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(48.683.053.338)</b>	<b>76.205.002.819</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(12.813.120.873)	(14.421.843.989)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH	196.363.636	884.545.454
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(37.000.000.000)	(129.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	84.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	11.559.106.619	10.470.557.094
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>45.942.349.382</b>	<b>(132.066.741.441)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	32.622.132.380	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(32.622.132.380)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(10.535.000.000)	(10.546.264.350)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(10.535.000.000)</b>	<b>(10.546.264.350)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(13.275.703.956)</b>	<b>(66.408.002.972)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>231.912.683.931</b>	<b>298.413.295.781</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(337.302.580)	(92.608.878)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>218.299.677.395</b>	<b>231.912.683.931</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bình

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tùng

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2022



Tổng Giám đốc

  
Đàm Quang Trung

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200168673 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 07 tháng 03 năm 2018.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Ngô Hùng, Xã An Hồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 619.689.260.000 đồng (Sáu trăm mười chín tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng Việt Nam).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 61.968.926 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên tại 31/12/2021: 814 người

#### Ngành nghề kinh doanh của công ty gồm

- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe;
- Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Vận tải hàng hóa đường bộ;

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

### **2.3. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

#### *Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

#### *Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:*

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

## 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.7. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.9. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình**

### **2.9.1. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

**2.9.2. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40 năm
- Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

**2.9.3. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định vô hình:**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

## **2.10. Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

## **2.11. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.12. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.13. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được



quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### 2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.16. Doanh thu**

### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **2.17. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ

#### **2.18. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- *Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;*
- *Chi phí đi vay vốn;*
- *Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;*
- *Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...*

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được trừ.

Việc xác định thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **2.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### **2.21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **2.22. Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẨM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	1.855.393.000	1.860.694.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.144.284.395	41.251.989.931
- Tiền gửi Việt nam	61.144.284.395	41.251.989.931
Các khoản tương đương tiền (*)	155.300.000.000	188.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>218.299.677.395</b>	<b>231.912.683.931</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 155.300.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 3,3%/năm.

**4. Các khoản đầu tư tài chính**

Chi tiết tại Phụ lục số 01

**5. Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>60.243.630.716</b>	<b>70.320.778.396</b>
- Công ty TNHH Đóng tàu Damen - Sông Cẩm	5.515.557.746	8.498.523.493
- Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà nội	-	-
- UBND Huyện Bạch Long Vỹ	48.760.000.000	48.760.000.000
- Khách hàng khác	5.968.072.970	13.062.254.903
<b>Cộng</b>	<b>60.243.630.716</b>	<b>70.320.778.396</b>

**b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

(xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH Đóng tàu Damen - Sông Cẩm	5.515.557.746	8.498.523.493
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu Thủy ("CNTT") và Xây dựng Hồng Bàng	89.427.610	89.427.610
- Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Hạ Long	11.952.500	11.952.500
- Công ty TNHH MTV Đóng Tàu Phà Rừng	-	693.357.171
- Công ty TNHH MTV đóng tàu Bạch Đằng	-	653.569.125

**6. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>930.110.882</b>	<b>1.529.690.793</b>
- Công ty CP Công nghiệp Hoàng Anh	-	393.855.000
- Công ty Cổ phần Trung Đạt	111.771.000	-
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại Thành Đạt Phát	158.400.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Device4U	129.250.000	-
- Công ty CP thương mại dịch vụ Hai Tốt	250.836.300	-
- Các đối tượng khác	279.853.582	1.135.835.793
<b>Cộng</b>	<b>930.110.882</b>	<b>1.529.690.793</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẨM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.162.412.948</b>	-	<b>4.629.346.339</b>	-
- Tạm ứng	483.572.100	-	217.772.100	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	403.594	-	410.921	-
- Phải thu khác	3.678.437.254	-	4.411.163.318	-
<b>Cộng</b>	<b>4.162.412.948</b>	-	<b>4.629.346.339</b>	-

**8. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>2.626.815.791</b>	<b>1.688.315.909</b>	<b>1.853.454.228</b>	-
- Công ty TNHH 1TV đóng tàu Bạch Đằng	-	-	653.569.125	-
- Damen Shipyards Gorinchem	-	-	209.803.240	-
- Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội	1.098.260.000	768.782.000	-	-
- Công ty TNHH một thành viên PCC-1	87.101.800	43.550.900	-	-
- Công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy Đông Á	1.251.404.299	875.983.009	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu Thủy và Xây dựng Hồng Bàng	89.427.610	-	89.427.610	-
Các đối tượng khác	100.622.082	-	900.654.253	-
<b>Cộng</b>	<b>2.626.815.791</b>	<b>1.688.315.909</b>	<b>1.853.454.228</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẨM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**9. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	29.611.179.140		-	
Nguyên liệu, vật liệu	278.360.042.732		62.974.977.719	320.102.862
Công cụ, dụng cụ	828.013.466		809.141.504	25.609.918
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	220.625.078.549		115.791.874.835	
<b>Cộng</b>	<b>529.424.313.887</b>	<b>-</b>	<b>179.575.994.058</b>	<b>345.712.780</b>

- Tại ngày 31/12/2021 Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá không có mặt hàng có giá trị thuần thấp hơn giá gốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND

**10. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>95.535.212.490</b>	<b>95.535.212.490</b>
- Nhà máy mới Sông Cẩm (Cơ sở 2)	95.535.212.490	95.535.212.490
<b>Cộng</b>	<b>95.535.212.490</b>	<b>95.535.212.490</b>

**11. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.440.049.091</b>	<b>2.546.138.181</b>
- Chi phí trả trước tiền thuê đất	2.440.049.091	2.546.138.181
<b>Cộng</b>	<b>2.440.049.091</b>	<b>2.546.138.181</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẢM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>310.735.287.532</b>	<b>104.185.688.791</b>	<b>164.779.350.380</b>	<b>2.120.818.797</b>	<b>581.821.145.500</b>
- Mua trong năm		5.446.079.241	300.000.000	217.254.545	5.963.333.786
- Đầu tư hoàn thành	6.604.787.087				6.604.787.087
- Phân loại lại		(16.714.042.296)	16.554.964.411	159.077.885	-
- Thanh lý, nhượng bán			(650.000.000)		(650.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>317.340.074.619</b>	<b>92.917.725.736</b>	<b>180.984.314.791</b>	<b>2.497.151.227</b>	<b>593.739.266.373</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số đầu năm</b>	154.541.366.285	90.581.300.100	156.412.449.652	1.886.622.008	<b>403.421.738.045</b>
- Khấu hao trong năm	14.337.254.122	4.819.166.438	4.818.112.631	159.764.797	24.134.297.988
- Tăng khác					
- Phân loại lại		(16.714.042.296)	16.554.964.411	159.077.885	-
- Góp vốn bằng tài sản					-
- Thanh lý nhượng bán			(650.000.000)		(650.000.000)
- Giảm khác					
<b>Số cuối năm</b>	<b>168.878.620.407</b>	<b>78.686.424.242</b>	<b>177.135.526.694</b>	<b>2.205.464.690</b>	<b>426.906.036.033</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	156.193.921.247	13.604.388.691	8.366.900.728	234.196.789	178.399.407.455
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>148.461.454.212</b>	<b>14.231.301.494</b>	<b>3.848.788.097</b>	<b>291.686.537</b>	<b>166.833.230.340</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 273.638.272.896 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CÁM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số đầu năm</b>	<b>62.675.782.290</b>	<b>1.044.846.000</b>	<b>63.720.628.290</b>
- Mua trong năm		245.000.000	245.000.000
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
<b>Số cuối năm</b>	<b>62.675.782.290</b>	<b>1.289.846.000</b>	<b>63.965.628.290</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
<b>Số đầu năm</b>			
- Khấu hao trong năm		902.484.884	902.484.884
- Tăng khác		135.955.082	135.955.082
- Thanh lý nhượng bán			-
- Giảm khác			-
<b>Số cuối năm</b>		<b>1.038.439.966</b>	<b>1.038.439.966</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	62.675.782.290	142.361.116	62.818.143.406
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>62.675.782.290</b>	<b>251.406.034</b>	<b>62.927.188.324</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp: 0 VND

- TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 489.846.000 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẨM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**14. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>26.842.671.187</b>	<b>26.842.671.187</b>	<b>13.701.505.350</b>	<b>13.701.505.350</b>
- Công ty TNHH khí công nghiệp Việt Nam	2.566.088.250	2.566.088.250	1.826.647.350	1.826.647.350
MCL RESOURCES CO., LIMITED	6.858.676.385	6.858.676.385	-	-
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu vật tư tàu thủy	-	-	3.235.717.273	3.235.717.273
- Các đối tượng khác	17.417.906.552	17.417.906.552	8.639.140.727	8.639.140.727
<b>Cộng</b>	<b>26.842.671.187</b>	<b>26.842.671.187</b>	<b>13.701.505.350</b>	<b>13.701.505.350</b>

**b. Phải trả người bán là các bên liên quan**

(xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

- Công ty TNHH MTV CN tàu thủy Bến Kiền
- Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy
- Công ty CP CN tàu thủy Đông Bắc
- Công ty TNHH MTV đóng tàu Hạ Long

	Số cuối năm	Số đầu năm
	<b>1.025.721.114</b>	<b>1.366.828.582</b>
	823.661.529	823.661.529
	181.326.785	181.326.785
	-	212.649.468
	20.732.800	149.190.800

**15. Người mua trả tiền trước****a. Ngắn hạn**

- Công ty Damen Shipyards - Hà Lan (\*)
- Các đối tượng khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	<b>393.755.131.392</b>	<b>106.594.323.981</b>
	393.755.131.392	103.677.803.981
	-	2.916.520.000
	<b>393.755.131.392</b>	<b>106.594.323.981</b>

(\*) Khoản tiền khách hàng ứng trước theo hợp đồng để thi công các hạng mục của tàu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÀU SÔNG CẨM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

Thuyết minh Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Đơn vị tính: VND
Thuế Giá trị gia tăng						Số phải nộp cuối năm
Thuế Thu nhập DN	5.074.362.131	-	420.684.561	420.684.561	-	
Thuế Thu nhập cá nhân	140.472.397	-	9.050.161.028	10.753.807.778	6.778.008.881	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	967.933.013	1.287.949.743	460.489.127	
Các loại thuế khác	-	-	429.145.100	429.145.100	-	
<b>Cộng</b>	<b>5.214.834.528</b>	<b>-</b>	<b>42.812.380</b>	<b>42.812.380</b>	<b>7.238.498.008</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẢM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**17. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>14.612.050.940</b>	<b>2.239.088.311</b>
- Chi phí trích trước liên quan đến các hợp đồng đóng tàu, nâng cấp toa xe	9.902.079.997	693.546.676
- Chi phí phải trả ăn ca và các chi phí phải trả khác	4.709.970.943	1.545.541.635
<b>Cộng</b>	<b>14.612.050.940</b>	<b>2.239.088.311</b>

**18. Phải trả khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>50.492.739.595</b>	<b>88.874.967.331</b>
- Tạm thu hộ Bảo hiểm, công đoàn	259.817.699	316.593.003
- Cổ tức phải trả	900.836.644	38.833.691.394
- Phải trả Tổng công ty CNTT ("SBIC") (*)	48.762.375.500	48.762.375.500
- Phải trả, phải nộp khác	569.709.752	962.307.434
<b>Cộng</b>	<b>50.492.739.595</b>	<b>88.874.967.331</b>
<b>b. Phải trả khác là các bên liên quan</b> (xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tổng Công ty Công nghiệp tàu Thuyền	49.663.212.144	87.596.066.894
	49.663.212.144	87.596.066.894

(\*) Đây là khoản nhận hỗ trợ từ SBIC để đóng tàu Bạch Long Vĩ, không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**19. Dự phòng phải trả**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>22.942.516.650</b>	<b>21.293.264.735</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa (*)	22.942.516.650	21.293.264.735
<b>Cộng</b>	<b>22.942.516.650</b>	<b>21.293.264.735</b>

(\*) Khoản dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu tới các tàu, toa xe đã giao. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm tương tự

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CÁM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**20. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
	Số dư đầu năm trước	Lãi trong năm trước					
Số dư đầu năm trước	619.689.260.000	-	-	33.160.945.846	107.172.475.915	77.700.370.671	837.723.052.432
- Lãi trong năm trước						14.096.110.647	14.096.110.647
- Trích lập các quỹ						(2.788.517.831)	(2.788.517.831)
- Cỏ tức						(10.535.000.000)	(10.535.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>619.689.260.000</b>	-	-	<b>33.160.945.846</b>	<b>107.172.475.915</b>	<b>78.472.963.487</b>	<b>838.495.645.248</b>
- Tăng trong kỳ				(6.604.787.087)	6.604.787.087		
- Lãi trong kỳ này							
- Trích lập các quỹ						29.363.215.616	29.363.215.616
- Cỏ tức						(3.561.110.647)	(3.561.110.647)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>619.689.260.000</b>	-	-	<b>26.556.158.759</b>	<b>113.777.263.002</b>	<b>93.740.068.456</b>	<b>853.762.750.217</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẨM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy	558.238.500.000	90,08	558.238.500.000	90,08
- Công ty TNHH MTV Đóng Tàu Bạch Đằng	46.722.780.000	7,54	46.722.780.000	7,54
- Vốn góp các cổ đông khác	14.727.980.000	2,38	14.727.980.000	2,38
<b>Cộng</b>	<b>619.689.260.000</b>	<b>100</b>	<b>619.689.260.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	619.689.260.000	619.689.260.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	619.689.260.000	619.689.260.000

Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Nghị Quyết số 11/SC-NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021, Công ty cổ phần đóng tàu Sông Cẩm đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2020 số tiền: 10.535.000.000 đồng.

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.968.926	61.968.926
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	61.968.926	61.968.926
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	61.968.926	61.968.926

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	26.556.158.759	33.160.945.846

**21. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	2.306.139,24	1.579.333,12
- Đồng EURO (EUR)	11.584,02	11.696,35

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẨM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>22. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a. Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	426.357.282.699	425.151.143.014
- Doanh vụ sửa chữa tàu và dịch vụ khác	1.684.818.205	6.198.249.542
- Doanh thu bán phế liệu	10.625.829.168	
<b>Cộng</b>	<b>438.667.930.072</b>	<b>431.349.392.556</b>
<b>23. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	364.293.751.794	358.126.345.920
- Giá vốn dịch vụ sửa chữa tàu và dịch vụ khác	-	3.168.569.567
- Giá vốn bán phế liệu	10.918.007.413	
<b>Cộng</b>	<b>375.211.759.207</b>	<b>361.294.915.487</b>
<b>24. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, cho vay	10.418.824.701	12.088.586.131
- Lãi do chênh lệch tỷ giá	4.850.383.634	1.809.702.103
<b>Cộng</b>	<b>15.269.208.335</b>	<b>13.898.288.234</b>
<b>25. Chi phí tài chính</b>		
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng	(16.955.386.832)	7.801.968.221
- Chi phí lãi vay	11.110.038	
- Chênh lệch tỷ giá	429.098.667	130.701.478
<b>Cộng</b>	<b>(16.515.178.127)</b>	<b>7.932.669.699</b>
<b>26. Thu nhập khác</b>		
- Thanh lý tài sản cố định	196.363.636	879.462.744
- Thu nhập khác	938.968.441	63.401.028
<b>Cộng</b>	<b>1.135.332.077</b>	<b>942.863.772</b>
<b>27. Chi phí khác</b>		
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, BHXH	942.699.694	244.000
- Khác	155.702.963	969.940.950
<b>Cộng</b>	<b>1.098.402.657</b>	<b>970.184.950</b>
<b>28. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nguyên, vật liệu	56.864.110.103	58.127.746.335
- Chi phí nhân công	923.953.328	810.478.618
- Chi phí khấu hao	42.676.056.054	47.478.852.570
- Thuế, phí, lệ phí	1.815.976.871	1.734.912.431
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.185.397.081	1.269.279.390
- Chi phí khác bằng tiền	738.191.338	-
- Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	10.229.686.537	7.353.958.086
- Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(705.151.106)	(519.734.760)
<b>Cộng</b>	<b>56.864.110.103</b>	<b>58.127.746.335</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẨM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**29. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	261.499.536.769	114.513.062.303
- Chi phí nhân công	196.168.024.517	199.222.359.658
- Chi phí khấu hao	24.270.253.070	27.382.672.742
- Thuế, phí, lệ phí	1.185.397.081	1.269.279.390
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.620.931.736	18.492.851.171
- Chi phí khác bằng tiền	51.177.867.548	28.756.642.658
- Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(705.151.106)	(519.734.760)
<b>Cộng</b>	<b>535.216.859.615</b>	<b>389.117.133.162</b>

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>38.413.376.644</b>	<b>17.865.028.091</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	2.068.389.528	979.559.049
- Chi phí không hợp lệ	2.068.389.528	979.559.049
Lợi nhuận chịu thuế	40.481.766.172	18.844.587.140
- Thuế suất hoạt động chịu kinh doanh	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	8.096.353.250	3.768.917.444
- Điều chỉnh thuế TNDN truy thu từ năm trước	953.807.778	
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>9.050.161.028</b>	<b>3.768.917.444</b>

**31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	29.363.215.616	14.096.110.647
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	3.561.110.647
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	29.363.215.616	17.657.221.294
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	61.968.926	61.968.926
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	474	285

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối.



**32. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

**33. Công cụ tài chính**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
			Đơn vị tính: VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	218.299.677.395		231.912.683.931	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	64.406.043.664	938.499.882	74.950.124.735	1.853.454.228
Đầu tư ngắn hạn	82.000.000.000	-	129.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	246.733.655.910	70.116.799.071	246.733.655.910	87.072.185.903
<b>Cộng</b>	<b>611.439.376.969</b>	<b>71.055.298.953</b>	<b>682.596.464.576</b>	<b>88.925.640.131</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay và nợ			-	-
Phải trả người bán, phải trả khác			77.335.410.782	102.576.472.681
Chi phí phải trả			14.612.050.940	2.239.088.311
<b>Cộng</b>			<b>91.947.461.722</b>	<b>104.815.560.992</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	218.299.677.395			218.299.677.395
Phải thu khách hàng, phải thu khác	64.406.043.664	-		64.406.043.664
Đầu tư ngắn hạn	82.000.000.000			82.000.000.000
Đầu tư dài hạn			246.733.655.910	246.733.655.910
<b>Cộng</b>	<b>364.705.721.059</b>	<b>-</b>	<b>246.733.655.910</b>	<b>611.439.376.969</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	231.912.683.931			231.912.683.931
Phải thu khách hàng, phải thu	74.950.124.735	-		74.950.124.735
Đầu tư dài hạn			246.733.655.910	246.733.655.910
<b>Cộng</b>	<b>306.862.808.666</b>	<b>-</b>	<b>246.733.655.910</b>	<b>553.596.464.576</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU SÔNG CẨM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán, phải trả	77.335.410.782	-		77.335.410.782
Chi phí phải trả	14.612.050.940	-		14.612.050.940
<b>Cộng</b>	<b>91.947.461.722</b>	-	-	<b>91.947.461.722</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán, phải trả	102.576.472.681	-		102.576.472.681
Chi phí phải trả	2.239.088.311	-		2.239.088.311
<b>Cộng</b>	<b>104.815.560.992</b>	-	-	<b>104.815.560.992</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động sửa chữa, bán hàng	Hoạt động bán phế liệu	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	428.042.100.904	10.625.829.168	438.667.930.072
Chi phí bộ phận	364.293.751.794	10.918.007.413	375.211.759.207
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>63.748.349.110</b>	<b>(292.178.245)</b>	<b>63.456.170.865</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>			<b>56.864.110.103</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.592.060.762
Doanh thu hoạt động tài chính			15.269.208.335
Chi phí tài chính			(16.515.178.127)
Thu nhập khác			1.135.332.077
Chi phí khác			1.098.402.657
Thuế TNDN hiện hành			9.050.161.028
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>29.363.215.616</b>

**35. Nghiệp vụ và các số dư Bên liên quan**

**a. Thông tin các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Đóng tàu Damen - Sông Cẩm	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu Thủy ("CNTT") và Xây dựng Hồng Bàng	Cùng tập đoàn
- Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Hạ Long	Cùng tập đoàn
- Công ty TNHH MTV Đóng Tàu Phà Rừng	Cùng tập đoàn
- Công ty TNHH MTV đóng tàu Bạch Đằng	Cùng tập đoàn
- Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV CN tàu thủy Bến Kiền	Cùng tập đoàn
- Công ty CP CN tàu thủy Đông Bắc	Cùng tập đoàn

**b. Giao dịch với bên liên quan**

<u>Các Bên liên quan</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Số tiền</u>
- Công ty TNHH Đóng tàu Damen - Sông Cẩm	Bán hàng hóa	16.074.109.308
- Công ty TNHH Đóng tàu Damen - Sông Cẩm	Thu tiền bán hàng	20.664.111.585
- Công ty TNHH MTV Đóng Tàu Phà Rừng	Thu tiền bán hàng và CCDV	693.357.171
- Công ty TNHH MTV đóng tàu Bạch Đằng	Thu tiền bán hàng và CCDV	653.569.125
- Công ty CP CN tàu thủy Đông Bắc	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.475.832.500
- Công ty TNHH Đóng tàu Damen - Sông Cẩm	Mua hàng hóa, dịch vụ	520.250.000
- Công ty CP CN tàu thủy Đông Bắc	Thanh toán tiền mua hàng, dịch vụ	1.836.065.218
- Công ty TNHH MTV đóng tàu Hạ Long	Thanh toán tiền mua hàng, dịch vụ	128.458.000
- Công ty TNHH Đóng tàu Damen - Sông Cẩm	Thanh toán tiền mua hàng, dịch vụ	550.000.000
- Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy và thành viên khác cùng tập đoàn	Chia cổ tức	10.284.267.000

**\* Thù lao hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, lãnh đạo quản lý trong kỳ**

Đơn vị tính: VND

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Số tiền</u>
Ông Lê Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	491.877.515
Ông Đàm Quang Trung	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc	510.139.933
Ông Phan Đình Lượng	Phó Tổng giám đốc	384.366.347
Ông Quách Đình Nguyên	Phó Tổng giám đốc	379.095.526
Ông Nguyễn Đức Triều	Phó Tổng giám đốc	435.063.276
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Phó Tổng giám đốc	381.350.931
Ông Hoàng Văn Tùng	Kế toán trưởng	314.901.934

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÀU SÔNG CẨM**

Thôn Ngô Hùng, X. An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

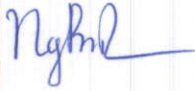
**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**36. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bình

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tùng

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đàm Quang Trung

**Phụ lục số 01**

Đơn vị tính: VND

**4. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	
<b>a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>246.733.655.910</b>		<b>70.116.799.071</b>	<b>246.733.655.910</b>	<b>87.072.185.903</b>
Công ty TNHH Đóng tàu Damen Sông Cẩm (1)	246.733.655.910	(*)	70.116.799.071	246.733.655.910	(*) 87.072.185.903
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>82.000.000.000</b>	<b>82.000.000.000</b>	-	<b>129.000.000.000</b>	-
<b>Ngắn hạn</b>	<b>82.000.000.000</b>	<b>82.000.000.000</b>		<b>129.000.000.000</b>	
- Tiền gửi có kỳ hạn (2)	<b>328.733.655.910</b>	<b>82.000.000.000</b>	<b>70.116.799.071</b>	<b>375.733.655.910</b>	<b>87.072.185.903</b>
<b>Cộng</b>					

(1) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Công ty TNHH Đóng tàu Damen Sông Cẩm. Địa chỉ: Thôn Lôi Động, Xã Hoàng Động, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Vốn điều lệ: 822.445.519.700 đồng. Tỷ lệ sở hữu thực tế tại 31/12/2021: 30%.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính:

- Đóng Tàu và cấu kiện nổi
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan khác
- Giá trị của khoản đầu tư được ghi nhận dựa trên biên bản giao nhận góp vốn liên doanh được ký giữa Công ty và Công ty Damen Holding Vietnam B.V vào ngày 01/07/2013
- Khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được trích lập tương ứng với phần trách nhiệm của Công ty trong số lỗ lý kế của Damen Sông Cẩm từ năm 2013 tới nay.

(2) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6-12 tháng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,6%/năm.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của Công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.